TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HS-ST
Ngày: 15 – 01 – 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH HÀ TĨNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Nhưng

Bà Lê Thị Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Xuân T** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 13 – 06 – 1997 tại xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Thôn O, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Xuân I và bà Hoàng Thị U; Vợ: Nguyễn Thị Hải Y và 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn: Tạm giữ, tạm giam từ ngày 19 - 09 - 2019 đến ngày 15 - 11 - 2019 thay đổi bằng biện pháp bảo lĩnh.

Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Tiến E** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 07 – 01 – 1997 tại xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Thôn O, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Tiến Q và bà Nguyễn Thị A; Vợ: Trần Thị S và 01 con (sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn: Tạm giữ, tạm giam từ ngày 19 – 09 – 2019 đến ngày 15 – 11 – 2019 thay đổi bằng biện pháp bảo lĩnh.

Có mặt.

Bị hại:

1. Anh Phạm Công D
Sinh ngày: 29 – 04 – 2000; Nơi cư trú: Thôn F, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.
Có mặt.
2. Anh Trần Văn G
Sinh ngày: 25 – 05 – 2002; Nơi cư trú: Thôn H, xã J, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.
Vắng mặt.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Chị Nguyễn Thị Hải Y (vợ của bị cáo Lê Xuân T)
Sinh ngày: 10 – 04 – 1997; Nơi cư trú: Thôn L, xã Z, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.
Vắng mặt.
2. Chị Trần Thị S (vợ của bị cáo Nguyễn Tiến E)
Sinh ngày: 12 – 09 – 1999; Nơi cư trú: Thôn O, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.
Vắng mặt.
3. Anh Trần Văn C
Sinh ngày: 20 – 05 – 1974; Nơi cư trú: Thôn H, xã J, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.
Có mặt.
4. Anh Phan Văn V
Sinh năm: 1989; Nơi cư trú: Thôn B, xã J, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.
Vắng mặt.
5. Anh Trần Đại N
Sinh ngày: 16 – 07 – 1984; Nơi cư trú: Thôn O, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.
Vắng mặt.
6. Anh Phạm Thành M
Sinh ngày: 22 – 07 – 1982; Nơi cư trú: Thôn O, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.
Có mặt.
7. Anh Nguyễn Tiến Q (bố của bị cáo Nguyễn Tiến E)
Sinh ngày: 16 – 10 – 1969; Nơi cư trú: Thôn O, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.
Có mặt.
8. Chị Hoàng Thị U
Sinh ngày: 27 – 12 – 1973; Nơi cư trú: Thôn O, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ cuối tháng 6 đến đầu tháng 8 năm 2019, Lê Xuân T và Nguyễn Tiến E đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác đưa đi tiêu thụ lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng cuối tháng 6 năm 2019, Lê Xuân T nảy sinh ý định trộm cắp xe máy bán lấy tiền tiêu xài nên đã chế tạo một vam phá khóa xe máy để

làm công cụ thực hiện hành vi. Khoảng 16 giờ ngày 01 – 07 – 2019, T đi xe máy nhãn hiệu Exciter màu đen, biển kiểm soát 38K1-291.28 của mình đến rủ E đi trộm cắp tài sản. T chở E đi theo đường liên xã từ Z xuống J để trộm cắp xe máy. Khi đi đến đoạn đường ven biển thuộc địa phận thôn W, xã J, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, cả hai phát hiện 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Exciter màu xanh bạc đang dựng trên một mô đất bên đường không có người trông coi. Sau khi quan sát xung quanh thấy không có người qua lại, T dừng xe và bảo E đứng cảnh giới, còn T đi bộ đến vị trí chiếc xe máy dùng vam phá khóa mang sẵn trong người phá khóa xe và nổ máy chạy về nghĩa địa cồn Đá Bằng, ở xã Z, huyện K tỉnh Hà Tĩnh đợi E đang chạy xe máy của T đi theo sau. Khi đến nghĩa địa cồn Đá Bằng, T mở cốp xe máy vừa trộm cắp được thì phát hiện trong cốp xe có 700.000đ tiền mặt nên đã lấy số tiền trên cất vào túi quần để chi tiêu cá nhân và chờ E đến. Sau đó, E điều khiển xe máy của T, còn T điều khiển xe máy vừa trộm cắp được đến nhà của anh Lê Xuân HA ở thôn Tuần Tượng, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh để gửi. Do anh HA không có nhà nên T đưa xe vào nhà bếp cất dấu, rồi cả hai đi xe máy của T về nhà. Đến tối cùng ngày, T điều khiển xe máy của mình chở E đến nhà anh HA lấy chiếc xe máy trộm cắp được để mang đi tiêu thụ, khi đến lấy xe thì anh HA và gia đình không có ai ở nhà. E điều khiển xe máy của T đi mua xăng, còn T điều khiển xe máy trộm cắp được xuống gần trường cấp II xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh rồi tháo biển số xe. Sau khi E đưa xăng đến, T đổ vào xe rồi cả hai chạy xe máy xuống nhà anh Phan Văn V ở Thôn B, xã J, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh để bán chiếc xe vừa trộm cắp được, vì trước đó V nhờ E tìm mua một chiếc xe máy với giá rẻ. Trên đường đi T vứt chiếc biển số xe xuống mương nước tại cánh đồng xã T. Khi đến nhà V, T cho V xem xe một lúc rồi cả ba thống nhất V cho T ứng trước 1.000.000đ, còn T và E để chiếc xe vừa trộm cắp được lại nhà V rồi ra về. Trên đường về T đưa cho E 500.000đ, còn T giữ 500.000đ tiêu xài cá nhân. Sáng ngày hôm sau, T và E tiếp tục đi xuống nhà V để thỏa thuận việc bán xe. Để tránh bị phát hiện T đã tháo toàn bộ vỏ xe rồi cùng với E đưa về tại nhà của anh Trần Đại N ở Thôn O, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh sơn lại thành màu đen, sau đó đưa xuống nhà V lắp lại vào xe và thống nhất bán xe cho V với giá 3.000.000đ. T lấy 2.000.000đ tiền bán xe còn lại như đã thỏa thuận, số tiền trên T chia cho E 1.000.000đ, T giữ 1.000.000đ để tiêu xài cá nhân. Khoảng 02 ngày sau, V gọi điện cho T bảo không mua xe nữa nên tối cùng ngày T và E đi xuống nhà V lấy chiếc xe máy trên về gửi tại nhà của anh L. Sáng ngày hôm sau T thống nhất bán chiếc xe trên cho anh L với giá 3.500.000đ, anh L trả trước cho T 2.000.000đ, số tiền này T và E mang xuống trả lại cho V và xin nợ V 1.000.000đ còn thiếu. Sau đó anh L trả tiếp cho T 1.500.000đ tiền mua xe, số tiền này T giữ lại tiêu xài cá nhân hết. Khi bán xe cho anh L, T nói xe của bạn gửi từ Sài Gòn về nhờ bán nên anh L không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Sau đó khoảng 10 ngày, do có ý định đi xuất khẩu lao động nên anh L đã bán chiếc xe trên cho anh Phạm Thành M ở Thôn O, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh với giá 4.900.000đ.

Chiếc xe máy bị trộm cắp nêu trên thuộc sở hữu của anh Trần Văn C cho con trai là anh Trần Văn G mượn đi chơi thì bị lấy trộm. Tại bản kết luận định giá tài sản số 24/HĐĐG ngày 24 – 9 – 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, tỉnh Hà Tĩnh kết luận chiếc xe máy Yamaha Exciter bị trộm cắp tại thời điểm xảy ra vụ việc có giá trị là 15.000.000đ.

Lần thứ hai: Vào một ngày đầu tháng 8 năm 2019, Lê Xuân T mang một chiếc điện thoại Iphone 7 plus của vợ là Nguyễn Thị Hải Y đến cửa hàng sửa chữa điện thoại của anh Phạm Công D ở Thôn O, xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh để sửa, sau khi sửa xong, anh C báo giá chi phí sửa chữa điện thoại hết 3.500.000đ. Do không có tiền để trả nên T nảy sinh ý định sẽ đột nhập vào quán của anh C để lấy trộm chiếc điện thoại trên và các tài sản khác trong quán bán lấy tiền tiêu xài. T rủ Nguyễn Tiến E cùng tham gia nhưng E không đồng ý vì E có quen biết với anh C. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 11 – 8 – 2019, T nhắn tin qua tài khoản Facebook "Mậm Mã Vạch" của E để tiếp tục rủ E đi trộm cắp tài sản tại quán sửa điện thoại của anh C nhưng E tiếp tục từ chối. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 12 – 8 – 2019, T chuẩn bị một đoạn sắt (dài khoảng 30cm, đường kính khoảng 02cm) rồi đi bộ đến trước quán sửa điện thoại của anh C. Khi tới nơi quan sát động tĩnh một lúc không thấy người qua lại, T liền dùng đoạn sắt phá ổ khóa cửa đột nhập vào bên trong quán. Sau khi vào được bên trong quán, T sử dụng điện thoại nhãn hiệu Oppo của mình bật đèn màn hình lục tìm tài sản lấy trộm 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus màu hồng (của T mang đến sửa) để ở trong ngăn kéo bàn, 01 điện thoại Iphone 6s Plus màu vàng, 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A71 màu hồng, 200.000đ tiền mặt để trên bàn làm việc và 01 chiếc tai nghe màu trắng để trong tủ kính. T bỏ tất cả tài sản lấy trộm được vào túi ni lông rồi đi ra đóng cửa quán lại và về nhà. Khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày, T gọi điện qua tài khoản Facebook cho E nhưng E không nghe máy nên T nhắn tin với nội dung "*dậy mời tui đi ăn sáng tui cho cái điện thoại rồi ta hết nợ*". Sau khi đọc được tin nhắn, E gọi lại cho T nhưng không được nên đi làm tại xã Z, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Đến 09 giờ sáng cùng ngày, T đi xe máy đến gặp E, khi đến T đưa cho E 01 chiếc điện thoại Iphone 6s Plus màu vàng và 01 chiếc tai nghe màu trắng đã lấy trộm được và nói "*nghe nói vợ cậu chưa có máy thì tui cho cấy ni mà dùng, mà cầm cất đi khoan đã dùng rồi tui với cậu hết nợ ì hể*", ý của T là trừ khoản nợ 800.000đ mà T nợ E trước đó. Nghe T nói vậy E nghĩ chiếc điện thoại và tai nghe mà T vừa đưa cho mình là tài sản do T trộm cắp mà có, tuy nhiên E vẫn nhận số tài sản trên rồi đưa về nhà cất dấu vào tủ vì sợ mang ra dùng sẽ bị phát hiện. Đến trưa cùng ngày, T và E cùng nhau đi uống cà phê tại quán Tuổi Hồng ở xã P, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, tại đây E hỏi T "*rứa máy mi lấy ra được rồi à*", T gật đầu và nói "*lấy được máy của tui và máy của tui đưa cho cậu đó*", lúc này thì E biết rõ là lúc tối T đã đột nhập lấy trộm được điện thoại tại quán của anh C. Sau đó khoảng 03 ngày, E lấy chiếc điện thoại Iphone 6s Plus màu vàng mà E đã cất dấu trước đó ra đưa cho vợ của mình là chị

Trần Thị S sử dụng, khi sử dụng chiếc điện thoại trên thì chị S không biết được đó là tài sản do trộm cắp mà có. Khoảng 05 ngày sau E đến mượn xe máy của T để đi ra thành phố Hà Tĩnh, lúc này T lấy chiếc điện thoại Oppo A71 màu hồng trộm cắp được đưa cho E và nói "*cầm máy đi hỏi coi quán mô được giá thì bán cho tui cấy*". E không biết chiếc máy điện thoại trên là tài sản do trộm cắp mà có và đã đồng ý cầm đi ra thành phố Hà Tĩnh bán tại một quán sửa chữa điện thoại (không nhớ địa chỉ cụ thể) được 600.000đ, số tiền trên T cho E 300.000đ, còn 300.000đ T giữ sử dụng. Còn chiếc điện thoại Iphone 7 plus trộm cắp được T đưa cho chị Y (vợ T) sử dụng, khi đưa T không nói cho chị Y biết đó là tài sản do T trộm cắp. Khoảng một tuần sau ngày trộm cắp tài sản, T bảo E đến lấy tiền bồi thường từ anh C do đã làm mất điện thoại của T, sau đó E đến gặp anh C lấy 1.500.000đ, số tiền này T dùng để trừ đi khoản nợ mà T đã nợ E trước đó. Đến ngày 19 – 9 – 2019, nhận thức được hành vi của mình nên T đã đến Đồn công an khu công nghiệp Sóng Thần, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tự thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản nêu trên của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/HĐĐG ngày 23 – 9 – 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, tỉnh Hà Tĩnh kết luận: Tại thời điểm xảy ra vụ việc chiếc điện thoại Iphone 6s Plus có giá trị là 3.800.000đ; chiếc điện thoại Iphone 7 plus có giá trị là 6.500.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 29/HĐĐG ngày 28 – 10 – 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, tỉnh Hà Tĩnh kết luận: chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A71 có giá trị là 1.300.000đ; chiếc tai nghe Iphone có giá trị là 15.000đ.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng bao gồm:

- Thu tại anh Phạm Thành M 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Exciter màu sơn đen, không rõ số khung số máy, không có biển kiểm soát, đã qua sử dụng;

- Thu tại Nguyễn Tiến E 01 chiếc điện thoại Iphone 6s Plus màu vàng, loại 64G, số IMEL: 353290075040113, đã qua sử dụng;

- Thu tại Lê Xuân T 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu hồng, loại 32G, số IMEL: 353807089631353 và 01 điện thoại di động Nokia bàn phím cứng, màn hình đen trắng, đã qua sử dụng.

Số vật chứng trên đã được cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với các vật chứng gồm 01 chiếc vam dùng để phá khóa xe máy; 01 đoạn sắt dài khoảng 30cm, đường kính khoảng 02cm dùng để cạy phá cửa; 01 biển kiểm soát xe máy 38K1-351.77; 01 ổ khóa bằng kim loại màu vàng; 01 tai nghe loại có dây màu trắng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã làm mất nên không thu hồi được. Còn các vật chứng gồm 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Exciter màu đen, biển kiểm soát: 38K1-291.28 và 01 điện thoại Oppo màu đen của T dùng làm phương tiện, công cụ thực hiện hành vi phạm tội; 01 chiếc điện thoại Oppo

A71 màu hồng là tài sản do T trộm cắp, sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã mang đi bán không rõ địa chỉ cụ thể nên không thu hồi được.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, T và E đã khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của T và E phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các vật chứng đã thu giữ cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

Về dân sự: Trong quá trình điều tra, Lê Xuân T và Nguyễn Tiến E đã tác động nhờ anh Nguyễn Tiến Q (bố của E) và chị Hoàng Thị U (mẹ của T) chung nhau bồi thường cho bị hại Phạm Công D số tiền 2.200.000đ, bị hại Trần Văn G số tiền 700.000đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn C số tiền 5.000.000đ. Nay các bị hại và tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKSKA ngày 29 – 11 – 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh để xét xử:

- Lê Xuân T về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Nguyễn Tiến E về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận vị đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ tiếp tục khẳng định nội dung vụ án như Cáo trạng đã kết luận, giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58; Điểm g Khoản 1 Điều 52, các Điểm b, r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Xuân T từ 10 đến 15 tháng tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58; các Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến E từ 06 đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng Khoản 1 Điều 323; các Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến E từ 06 đến 09 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Vị đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Tiến E phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội, tuyên nghĩa vụ chịu án phí của các bị cáo và tuyên quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng.

Các bị cáo T, E tranh luận thừa nhận hành vi và tội phạm của mình, xin giảm nhẹ hình phạt vì lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang phải nuôi con nhỏ, tuổi trẻ suy nghĩ còn nông nổi nay đã biết ăn năn hối cải.

Các bị hại xác nhận đã được bồi thường đầy đủ, không yêu cầu bồi thường thêm và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì và không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Các hành vi và các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đảm bảo hợp pháp, đúng với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, những người tham gia tố tụng không khiếu nại.

[2]. T hai lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác: Lần thứ nhất chiếm đoạt 01 chiếc xe máy trị giá 15.000.000đ cùng số tiền mặt 700.000đ trong cốp xe; lần thứ hai chiếm đoạt 3 chiếc điện thoại di động, 01 chiếc tai nghe và 200.000đ tiền mặt, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt lần thứ hai là 11.815.000đ, do đó hành vi của T đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3]. E một lần giúp sức với Lê Xuân T lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy trị giá 15.000.000đ cùng số tiền mặt 700.000đ trong cốp xe. Hành vi của E cũng đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự với vai trò đồng phạm.

[4]. Ngoài ra, E còn nhận từ T 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s plus và 01 chiếc tai nghe có tổng giá trị là 3.815.000đ để trừ nợ, nhận tài sản E biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có, cho nên hành vi của E còn cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại Khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Trong hai lần trộm cắp tài sản, lần thứ nhất T giữ vai trò chủ yếu, vừa là người khởi xướng, vừa là người chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội, vừa là người thực hành, còn lần thứ hai một mình T thực hiện độc lập. Tổng giá trị tài sản trộm cắp cả hai lần là 27.515.000đ, trong đó T thu lợi bất chính tính cả tiền mặt và tiền trừ nợ tại E là 6.800.000đ. Vì vậy, tính chất mức độ nguy hiểm trong hành vi trộm cắp tài sản của T cao hơn so với E, cần căn cứ Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt T nghiêm hơn so với E.

[6]. Hành vi của T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, T đã tự thú, quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa đã thực sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã vay tiền của mẹ là chị Hoàng Thị U nhờ chị U bồi thường thiệt hại cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do đó T

được hưởng 4 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các Điểm b, r, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, T được các bị hại làm đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt, trong quá trình điều tra T đã hợp tác cung cấp thông tin giúp cơ quan điều tra phát hiện khởi tố 2 vụ án trộm cắp tài sản khác, cho nên T còn được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Nhân thân của T tốt. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của T và tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thì vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt T từ 10 đến 15 tháng tù là phù hợp, tương xứng.

[7]. Trong tội "Trộm cắp tài sản" E một lần trộm cắp tài sản với vai trò đồng phạm giúp sức, tài sản trộm cắp là chiếc xe máy trị giá 15.000.000đ cùng 700.000đ để trong cốp xe, số tiền E thu lợi bất chính trong vụ trộm cắp tài sản này là 1.500.000đ. Do đó, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi trộm cắp tài sản của E thấp hơn so với T, cần căn cứ Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt E nhẹ hơn so với T.

[8]. Trong tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", E đã một lần tiêu thụ số tài sản trị giá 3.815.000đ. Khi được T đưa đưa tài sản để trừ nợ E chỉ mới phỏng đoán đó là tài sản do T trộm cắp mà có chứ chưa biết rõ, sau khi đã nhận tài sản được một buổi thì T mới nói cho E biết rõ đó là tài sản do T trộm cắp, vì vậy hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của E có phần thụ động. Lợi ích thu được của E trong việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có chỉ là được thanh toán tiền nợ bằng hình thức khấu trừ tài sản trộm cắp. Cho nên, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của E tương đối thấp.

[9]. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa E đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã vay tiền của bố là anh Nguyễn Tiến Q nhờ anh Q bồi thường thiệt hại cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do đó E được hưởng 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự trong cả hai tội đã phạm phải. Ngoài ra, E được các bị hại làm đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt, bản thân E là người từng có thời gian phục vụ trong quân ngũ, cho nên còn được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự trong cả hai tội đã phạm phải. Nhân thân của E tốt. Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của E và tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thì vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt E từ 06 đến 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản là phù hợp, tương xứng. Còn tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", Hội đồng xét xử thấy rằng do tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấp, bản thân E không được hưởng lợi gì, lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ cho nên

có thể áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt E từ 04 đến 05 tháng tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp hơn.

[10]. Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc E phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội.

[11]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12]. Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

[13]. Anh V sau khi mua xe máy trộm cắp từ T và E đã đi xuất khẩu lao động, cơ quan điều tra chưa thể thu thập đủ chứng cứ làm rõ vấn đề khi mua xe anh V có biết đó là tài sản do trộm cắp có hay không, do đó tách hành vi của anh V để điều tra xử lý trong một vụ án khác.

[14]. Về án phí: Các bị cáo T, E mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

[15]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ quy định tại Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo T, E, anh Phạm Công D, anh Trần Văn C, anh Phạm Thành M, anh Nguyễn Tiến Q, chị Hoàng Thị U có mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn G, chị Nguyễn Thị Hải Y, chị Trần Thị S, anh Phan Văn V, anh Trần Đại N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58; Điểm g Khoản 1 Điều 52; các Điểm b, r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Xuân T;

- Khoản 1 Điều 173; Khoản 1 Điều 323; Điều 17, Điều 58; các Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điểm a Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tiến E;

- Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo

Tuyên bố bị cáo Lê Xuân T phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo Nguyễn Tiến E phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo Lê Xuân T 10 (mười) tháng tù, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19 – 9 – 2019 đến ngày 15 – 11 – 2019, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến E 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", 04 (bốn) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Tiến E phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 10 (mười) tháng tù, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19 – 9 – 2019 đến ngày 15 – 11 – 2019, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Buộc Lê Xuân T, Nguyễn Tiến E mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Tiến E, anh Phạm Công D, anh Trần Văn C, anh Phạm Thành M, anh Nguyễn Tiến Q, chị Hoàng Thị U được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn G, chị Nguyễn Thị Hải Y, chị Trần Thị S, anh Phan Văn V, anh Trần Đại N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Kỳ Anh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THA DS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an huyện K (2 bản);
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- UB kiểm tra Đảng ủy xã Kỳ E;
- UB kiểm tra huyện ủy Kỳ Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Tùng